

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KTN  
V/v tăng cường phát triển mở  
rộng sản xuất vụ Thu đông, vụ  
Đông năm 2025

Lai Châu, ngày tháng năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Lai Châu;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Từ đầu năm đến nay, do ảnh hưởng của mưa lớn đã gây thiệt hại nhiều diện tích cây trồng trên địa bàn tỉnh, trong đó: Lúa Đông xuân thiệt hại 90 ha (xã *Pắc Ta 15 ha, xã Mường Kim 75 ha, trong đó mất trắng 70 ha*); 129 ha lúa vụ mùa (phường *Tân Phong 92 ha, Đoàn Kết 10,55 ha, Khun Há 6 ha, Nậm Hàng 12 ha, Thu Lũm 2,2 ha, Khoen On 2,2 ha, Nậm Cuối 3 ha, Sin Suối Hồ 0,5 ha, Bình Lư 0,31ha, Hua Bum 0,42 ha*), trong đó có 17,53 ha bị vùi lấp không thể gieo cấy lại (*Nậm Hàng 12 ha; Thu Lũm 2,1 ha; Khoen On 2,2 ha; Sin Suối Hồ 0,5 ha; Bình Lư 0,31ha; Hua Bum 0,42 ha*); 172,1 ha ngô vụ xuân hè bị thiệt hại ảnh hưởng đến năng suất (phường *Tân Phong 25 ha, Khun Há 01 ha, Phong Thổ 65,5 ha, Sỉ Lở Lầu 10 ha, Mường Mô 0,3 ha, Nậm Hàng 01 ha, Thu Lũm 0,3 ha, Tà Tổng 01 ha, Mường Kim 48 ha, Pắc Ta 20 ha*). Đồng thời, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đang diễn biến phức tạp, từ đầu năm 2025 đến nay trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 35 ổ dịch tại 33 xã, phường, gây thiệt hại đến ngành chăn nuôi, ảnh hưởng đến tăng trưởng đàn gia súc và nguồn cung cấp thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

Để đẩy mạnh sản xuất vụ Thu đông, vụ Đông năm 2025, bù đắp sản lượng lương thực có hạt và sản lượng thịt gia súc bị thiệt hại, đảm bảo đạt tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp, ổn định nguồn cung thực phẩm và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu:

**1. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, vận động Nhân dân tiếp tục mở rộng diện tích ngô Thu đông; ngô Đông ở những nơi có điều kiện về nước tưới, đặc biệt là các xã có điều kiện như: Bình Lư, Bản Bo, Tả Lèng, Khun Há, Sin Suối Hồ, Phong Thổ, Mường Kim, Than Uyên, Mường Than, Tủa Sín Chải, Hồng Thu, Nậm Tăm, phường Tân Phong, phường Đoàn Kết... đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025; tranh thủ thời tiết thuận lợi thu hoạch sớm diện tích lúa mùa, giải phóng đất để thực hiện trồng cây vụ Đông; áp dụng biện pháp làm đất tối thiểu, làm ngô bầu để tranh thủ thời vụ; chủ động hướng

dẫn nông dân phòng trừ sâu bệnh gây hại cây trồng kịp thời. Đối với các địa phương không đảm bảo các điều kiện để gieo trồng vụ Thu đông, vụ Đông, khẩn trương thu hoạch lúa vụ mùa, tập trung chăn nuôi gia cầm, thủy cầm kết hợp tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin để bù sản lượng thịt bị giảm do bệnh Dịch tả lợn Châu phi gây ra.

- Chủ động rà soát lại kế hoạch sản xuất, bố trí cơ cấu cây trồng và khung thời vụ phù hợp để không ảnh hưởng tới sản xuất vụ lúa Đông xuân năm 2025-2026; đẩy mạnh phát triển sản xuất rau, củ, quả tập trung gắn với thu mua, chế biến tại các xã Mường Kim, Than Uyên, Mường Than, Pắc ta, Tân Uyên, Bình Lư, Sìn Hồ, Nậm Hàng, phường Tân Phong, phường Đoàn Kết...; rà soát các công trình thủy lợi, kịp thời duy tu, bảo dưỡng, khắc phục để đảm bảo nước tưới phục vụ sản xuất.

- Tiếp tục thu hút doanh nghiệp đầu tư liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm cho nông dân; đồng thời tuyên truyền Nhân dân nâng cao trách nhiệm trong tuân thủ quy trình kỹ thuật, quản lý chất lượng, duy trì và mở rộng quy mô liên kết để nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người dân và phát triển bền vững; nhân rộng các mô hình tăng vụ cho hiệu quả kinh tế.

- Chỉ đạo quản lý chặt chẽ hoạt động chăn thả gia súc, không để gia súc làm ảnh hưởng đến các loại cây trồng trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp thả rông gia súc không đúng quy định, thiếu trách nhiệm trong quản lý đàn vật nuôi, gây ảnh hưởng, thiệt hại đến các loại cây trồng trên địa bàn.

- Báo cáo kịp thời kết quả sản xuất vụ Thu đông, vụ Đông về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nếu không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 do chủ quan, chỉ đạo triển khai thực hiện thiếu quyết liệt.

*(Có biểu Kế hoạch sản xuất vụ Thu đông, định hướng vụ Đông kèm theo)*

## **2. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch vụ Thu đông, vụ Đông năm 2025; chủ động kiểm tra, đôn đốc, tham mưu hướng dẫn cơ cấu giống, thời vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, các biện pháp kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng và phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm và thủy cầm phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; giống gia cầm, thủy cầm, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi phục vụ sản xuất; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm theo quy định.

- Thường xuyên theo dõi diễn biến của thời tiết, tham mưu, chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó hiệu quả, giảm thiểu tối đa thiệt hại đến cây trồng, vật nuôi.

### **3. Đề nghị Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh**

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền để chuyển biến nhận thức và thay đổi tư duy trong sản xuất của nông dân trong chủ động ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, tích cực sản xuất vụ Thu đông, vụ Đông năm 2025; tham gia các chuỗi liên kết và phát huy trách nhiệm trong thực hiện liên kết đảm bảo nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; tăng thời lượng phát sóng các tin, bài tuyên truyền về phát triển sản xuất thâm canh, tăng vụ,...; kịp thời đưa tin về tình hình thời tiết để người dân kịp thời nắm bắt thông tin và chủ động ứng phó.

### **4. Đề nghị cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh**

Chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia sản xuất vụ Thu Đông, vụ Đông; chấp hành tốt quy trình kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, sử dụng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y an toàn, hiệu quả; phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc thực hiện các kế hoạch phát triển sản xuất; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý những khó khăn, vướng mắc; biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, hộ gia đình tiêu biểu trong sản xuất thâm canh, tăng vụ, thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; đề xuất với cấp ủy, chính quyền giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, góp phần hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.

Căn cứ nội dung Công văn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V1, V2;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT9.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hà Trọng Hải**

**BIỂU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ THU ĐÔNG, ĐỊNH HƯỚNG VỤ ĐÔNG  
NĂM 2025**

(Kèm theo công văn số:        /UBND-KTN ngày    / /2025 của UBND tỉnh Lai Châu)

| STT       | Chỉ tiêu              | Ngô Thu Đông   |                   |                 | Ngô vụ Đông    |                   |                 | Cây rau, củ quả |                   |                 |
|-----------|-----------------------|----------------|-------------------|-----------------|----------------|-------------------|-----------------|-----------------|-------------------|-----------------|
|           |                       | Diện tích (ha) | Năng suất (tạ/ha) | Sản lượng (tấn) | Diện tích (ha) | Năng suất (tạ/ha) | Sản lượng (tấn) | Diện tích (ha)  | Năng suất (tạ/ha) | Sản lượng (tấn) |
| <b>I</b>  | <b>Tổng toàn tỉnh</b> | <b>2.728</b>   | <b>38,9</b>       | <b>10.620</b>   | <b>627</b>     | <b>32,98</b>      | <b>2.070</b>    | <b>497</b>      | <b>95,35</b>      | <b>4.739</b>    |
| <b>II</b> | <b>Chia ra các xã</b> |                |                   |                 |                |                   |                 |                 |                   |                 |
| 1         | Phường Tân Phong      | 675            | 40,0              | 2.700           | 106            | 37,64             | 400             | 40              | 95,00             | 380             |
| 2         | Phường Đoàn Kết       | 249            | 43,9              | 1.090           | 54             | 37,22             | 202             | 36              | 97,22             | 350             |
| 3         | Xã Mường Kim          | 343            | 40,8              | 1.400           | 23             | 35,22             | 81              | 80              | 87,50             | 700             |
| 4         | Xã Khoen On           | 35             | 38,6              | 135             |                |                   |                 |                 |                   |                 |
| 5         | Xã Than Uyên          | 124            | 40,3              | 500             | 20             | 35,00             | 70              | 100             | 113,7             | 1137            |
| 6         | Xã Mường Than         | 30             | 40,7              | 122             |                |                   |                 | 87              | 99,77             | 868             |
| 7         | Xã Pắc Ta             | 3              | 36,7              | 11              |                |                   |                 | 30              | 86,67             | 260             |
| 8         | Xã Nậm Sỏ             | 5              | 36,0              | 18              |                |                   |                 |                 |                   |                 |
| 9         | Xã Tân Uyên           | 14             | 37,1              | 52              |                |                   |                 | 20              | 87,50             | 175             |
| 10        | Xã Mường Khoa         | 8              | 37,5              | 30              |                |                   |                 |                 |                   |                 |
| 11        | Xã Bản Bo             | 84             | 36,0              | 302             |                |                   |                 | 7               | 78,57             | 55              |
| 12        | Xã Bình Lư            | 308            | 38,0              | 1.170           |                |                   |                 | 50              | 86,00             | 430             |
| 13        | Xã Tả Lèng            | 333            | 38,0              | 1.265           |                |                   |                 | 12              | 83,33             | 100             |
| 14        | Xã Khun Há            | 213            | 38,3              | 816             |                |                   |                 |                 |                   |                 |
| 15        | Xã Sin Suối Hồ        | 115            | 37,3              | 429             |                |                   |                 | 5               | 84,00             | 42              |
| 16        | Xã Phong Thổ          | 105            | 30,5              | 320             |                |                   |                 | 5               | 84,00             | 42              |
| 17        | Xã Khổng Lào          | 69             | 30,4              | 210             |                |                   |                 | 5               | 80,00             | 40              |
| 18        | Xã Tủa Sìn Chải       |                |                   |                 | 55             | 31,82             | 175             |                 |                   |                 |
| 19        | Xã Sìn Hồ             |                |                   |                 |                |                   |                 | 15              | 80,00             | 120             |
| 20        | Xã Hồng Thu           |                |                   |                 | 165            | 30,91             | 510             |                 |                   |                 |
| 21        | Xã Nậm Tăm            |                |                   |                 | 204            | 30,98             | 632             |                 |                   |                 |
| 22        | Xã Nậm Hàng           |                |                   |                 |                |                   |                 | 5               | 80,00             | 40              |
| 23        | Xã Hua Bum            | 2              | 35,0              | 7               |                |                   |                 |                 |                   |                 |
| 24        | Xã Bum Nưa            | 4              | 32,5              | 13              |                |                   |                 |                 |                   |                 |
| 25        | Xã Mường Tè           | 4              | 32,5              | 13              |                |                   |                 |                 |                   |                 |
| 26        | Xã Mù Cỏ              | 2              | 35,0              | 7               |                |                   |                 |                 |                   |                 |
| 27        | Xã Tả Tổng            | 3              | 33,3              | 10              |                |                   |                 |                 |                   |                 |